

Bản án số: 58 /2022/ DS-ST

Ngày: 17 - 5 -2022

V/v tranh chấp Hợp đồng góp hui và vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

2. Ông **QUÁCH TRUNG SƠN**

- Thư ký phiên tòa: Bà **TRẦN THỊ KIM LUÔNG** - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên
tòa: Bà **MAI THỊ ÚT**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3, ngày 25 tháng 4 và ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1970.

Ông **Phạm Văn H1**, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ông Phạm Văn H1 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H.

2. Bị đơn: Chị **Lê Thị C1**, sinh năm 1984.

Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà H có mặt; chị Chát, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H**, ông **Phạm Văn H1** tại đơn khởi kiện trình bày:

Vợ chồng ông bà được nhân dân trong khu vực tín nhiệm chọn làm đại diện tổ góp vốn xoay vòng hưởng H hồng. Vợ chồng chị C1, anh T tham gia góp hụi và nợ tiền hụi cụ thể như sau:

+ **Dây 1:** Hụi khai ngày 19/01/2017 âm lịch, hụi 5.000.000đồng, gồm 17 phần, 03 tháng mở hụi 01 lần đến ngày 19/01/2021 mãn hụi. Vợ chồng chị C1, anh T tham gia 01 phần, hốt kỳ thứ 7, phải đóng lại 10 kỳ hụi chết. Đến nay anh T, chị C1 đã đóng được 05 kỳ hụi chết và trả 6.000.000đồng. Còn nợ 19.000.000đồng.

+ **Dây 2:** Hụi khai ngày 19/4/2017 âm lịch, hụi 5.000.000đồng, gồm 16 phần, 03 tháng mở hụi 01 lần đến ngày 19/01/2021 mãn hụi. Vợ chồng chị C1, anh T tham gia 01 phần, hốt kỳ thứ 1, phải đóng lại 15 kỳ hụi chết. Đến nay anh T, chị C1 đã đóng được 10 kỳ hụi chết và trả 6.000.000đồng. Còn nợ 05 kỳ là 25.000.000đồng.

Ngày 16/9/2019 âm lịch(nhằm ngày 14/10/2019) vợ chồng chị C1, anh T vay của ông bà 50.000.000đồng, lãi suất 2%/ tháng, thời hạn vay 06 tháng hoàn trả vốn lãi 01 lần, có làm biên nhận nhưng đến nay chưa trả.

Ông bà yêu cầu chị C1, anh T trả 94.000.000đồng tiền hụi và vốn vay. Yêu cầu tính lãi số tiền vay lãi suất 1,6%/ tháng từ ngày 14/10/2019 đến nay xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H cũng là đại diện ủy quyền của đồng nguyên đơn ông Phạm Văn H1 chỉ yêu cầu bị đơn trả 44.000.000đồng tiền hụi và 50.000.000đồng tiền vốn vay, yêu cầu tính lãi theo qui định pháp luật đối với số tiền vay từ 14/4/2020 đến nay.

- Bị đơn chị Lê Thị C1, anh Nguyễn Thanh T dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng qui định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự tạm ngừng phiên tòa để thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hụi và vay còn thiếu. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi và vay tài sản theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt đương sự: Bị đơn chị Lê Thị C1, anh Nguyễn Thanh T dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

[1.4]. Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H cũng là đại diện ủy quyền của đồng nguyên đơn ông Phạm Văn H1 chỉ yêu cầu bị đơn trả 44.000.000đồng tiền hui và 50.000.000đồng tiền vốn vay, yêu cầu tính lãi theo qui định pháp luật đối với số tiền vay từ 14/4/2020 đến nay. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp qui định tại điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.5] Về sự thay đổi người tiến hành tố tụng trong quá trình xét xử: Tại phiên tòa xét xử ngày 24/3/2022 Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa xác minh việc tổ chức góp vốn xoay vòng. Thời điểm đó có Hội thẩm nhân dân là ông Lê Trần Trung Nhân và thư ký phiên tòa bà Đặng Thị Thùy Dung. Đến ngày 25/4/2022 phiên tòa được mở lại nhưng Hội thẩm nhân dân ông Trần Trung Nhân và thư lý phiên tòa bà Đặng Thị Thùy Dung do có công việc đột xuất nên được thay thế bằng Hội thẩm nhân dân dự khuyết là ông Quách Trung Sơn và phân công thư ký phiên tòa bà Trần Thị Kim Luông. Do ông Sơn không tham gia phiên tòa từ đầu. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 226, 259 Bộ luật tố tụng dân sự, thông báo số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 tiến hành phiên tòa xét xử lại từ đầu.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền hui: Xét thấy, tuy việc tổ chức chơi hui và tham gia của hui viên chưa thực hiện đúng theo qui định pháp luật. Nhưng bà H, ông H1 cũng có lập sổ sách theo dõi hui và các hui viên cũng xác định vợ chồng chị C1, anh T có tham gia chơi hui với tên ghi trong danh sách hui là “ Hồng T”. Bà H ghi theo tên thường gọi của chị Chắt và tên anh T (có xác nhận của chính quyền địa phương). Trong quá trình tham gia chơi hui chị C1, anh T đã hốt hui cả 02 dây hui nhưng không thực hiện việc đóng hui chết đầy đủ. Vợ chồng bà H phải choàng hui thay cho anh chị. Hiện tại các dây hui đã mãn nhưng anh chị vẫn chưa trả đủ tiền hui chết. Do đó việc ông H1, bà H khởi kiện yêu cầu anh chị trả lại số tiền hui chết còn thiếu mà ông bà đã choàng thay là có cơ sở chấp nhận. Mặc khác, đối với chị C1, anh T từ khi Tòa án thụ lý đến nay dù được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có lời trình bày. Đây là đương sự tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên có thiệt thòi gì thì anh chị tự gánh chịu. Do đó Hội đồng xét xử buộc chị C1, anh T phải trả tiền hui cho bà H, ông H1 là có cơ sở.

[2.2] Đối với yêu cầu trả tiền vay: Căn cứ chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là giấy biên nhận viết tay(bản chính) thể hiện rõ chị C1, anh T đồng ý vay của bà H, ông H1 số tiền 50.000.000đồng trong thời gian 06 tháng, ngày viết biên nhận là ngày 16/9/2019 âm lịch tương ứng là ngày 14/10/2019 dương lịch. Từ đó xác định giữa 02

bên có phát sinh giao dịch dân sự trên thực tế. Tuy nhiên, thời hạn trả tiền vay đến nay đã hết nhưng anh chị cũng chưa trả lại tiền cho bà H, ông H1 mà có hành vi lẩn tránh là vi phạm cam kết của các bên trong giao dịch, gây thiệt hại đến quyền lợi của nguyên đơn. Nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay là có cơ sở chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng là có cơ sở.

[2.3] Đối với yêu cầu trả lãi vay: Xét thấy giấy nợ ngày 16/9/2019 âm lịch bị đơn viết cho nguyên đơn không thể hiện lãi suất chỉ thể hiện 06 tháng sẽ trả lại tiền. Nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh các bên có thỏa thuận lãi suất do đó Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý cho bị đơn trả lãi theo qui định pháp luật từ ngày 14/4/2020 đến nay xét thấy cũng phù hợp nên ghi nhận.

Thời gian và lãi suất tính như sau: từ ngày 14/4/2020 đến nay là 763 ngày. Lãi suất là 10%/ năm.

$(50.000.000\text{đồng} \times 10\% \times 763 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 10.452.000\text{đồng}$ (tính tròn).

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H, ông H1 được chấp nhận nên chị Chất, anh T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

[4] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C Hội không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không nên ghi nhận. Bởi lẽ theo qui định tại khoản 8 điều 2 Luật cư trú năm 2020 qui định: “*Nơi thường trú là nơi công dân sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú.*” Tại khoản 10 điều 2 Luật cư trú năm 2020 cũng qui định rõ “*Nơi ở hiện tại là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú mà công dân đang thường xuyên sinh sống; trường hợp không có nơi thường trú, nơi tạm trú thì nơi ở hiện tại là nơi công dân đang thực tế sinh sống*”. Công an xã M cũng xác nhận bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã M nên việc nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú bị đơn là đúng theo qui định pháp luật. Nguyên đơn cũng cung cấp cho Tòa án nội dung tin nhắn giữa nguyên đơn với bị đơn thời gian từ năm 2020-2021 cho thấy bà H rất nhiều lần nhắn tin, điện thoại cho bị đơn yêu cầu giải quyết tiền nợ, yêu cầu bị đơn cung cấp địa chỉ chỗ ở hiện tại để khi Tòa án gửi văn bản tố tụng nhưng bị đơn đã không thực hiện chứng tỏ bị đơn đã biết rõ việc nguyên đơn sẽ khởi kiện nhưng cố tình trốn tránh để không tham gia tố tụng cho nên không cần thiết phải tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện truyền thông đại chúng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 470, 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn H1.
Buộc chị Lê Thị C1, anh Nguyễn Thanh T phải trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn H1 94.000.000đồng tiền vốn và 10.452.000đồng tiền lãi. Tổng cộng là 104.452.000đồng

2. Về án phí:

2.1. Chị Lê Thị C1, anh Nguyễn Thanh T phải chịu 5.222.600đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn lại bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn H1 2.350.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000830 ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà H, ông H1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị C1, anh T chậm thi hành số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về thời hạn kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn H1 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng chị Lê Thị C1, anh Nguyễn Thanh T thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

